

Số: 1340 /QĐ-TĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo chương trình liên kết đào tạo
trình độ đại học với nước ngoài

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 11/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học bán công Tôn Đức Thắng thành Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tôn Đức Thắng được ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHTĐT ngày 24/4/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tôn Đức Thắng;

Căn cứ Quyết định số 5623/QĐ-TLĐ ngày 18/11/2022 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 1107/QĐ-TĐT ngày 04/5/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học với nước ngoài;

Căn cứ Đề án chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức 3+1 cấp song bằng ngành Kinh doanh quốc tế với Trường Đại học La Trobe, Úc và Biên bản họp Hội đồng Khoa học vào đào tạo trường ngày 19/5/2023 thông qua Đề án chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức 3+1 cấp song bằng ngành Kinh doanh quốc tế với Trường Đại học La Trobe, Úc;

Theo đề nghị của Trường Khoa Quản trị kinh doanh và Phụ trách phòng Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học hình thức 3+1 cấp song bằng ngành Kinh doanh quốc tế với Trường Đại học La Trobe, Úc.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Khoa Quản trị kinh doanh chịu trách nhiệm phối hợp cùng Trường Đại học La Trobe, Úc triển khai đào tạo theo chương trình đào tạo được ban hành tại Điều 1.

Điều 4. Các Ông/(Bà) trưởng đơn vị: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Đại học, Viện Hợp tác, nghiên cứu và đào tạo quốc tế, Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng, Thư viện, Phòng thanh tra - pháp chế và an ninh, Khoa Quản trị kinh doanh và các đơn vị trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: TCHC.



TS. Trần Trọng Đạo



**ĐANH MỤC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG GIAI ĐOẠN 2 VỚI CÁC
MÔN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CẤP BẰNG TDTU
NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ**

(INTERNATIONAL BUSINESS)

MÃ NGÀNH: K7340120L

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

TUYỂN SINH TỪ NĂM 2023

(Đính kèm theo Quyết định số 1340 /QĐ-TĐT ngày 22 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

STT	Môn học giai đoạn 2 học tại LTU		Môn học cấp bằng TDTU		
	Môn học	Số TC	Mã MH	Môn học	Số TC
1	International Marketing	15	704028	Marketing toàn cầu <i>Global Marketing</i>	3
2	Sustainability	15	706137	Thực tập nghề nghiệp nâng cao <i>Advanced Internship</i>	3
	Disruption in Business	15			
3	International Financial Management	15	B02042	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Financial Management</i>	3
4	Entrepreneurship	15	702073	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	2
5	Organisational Change & Development	15	702074	Quản lý sự thay đổi <i>Change Management</i>	3
6	Supply Chain Analytics and Digitalization	15	702075	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong quản lý <i>Applied Big data analytics in management</i>	3
7	Business in the World Economy	15	706CM7	Kỹ năng thực hành chuyên môn <i>Qualification Exam</i>	2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
(INTERNATIONAL BUSINESS)

MÃ NGÀNH: K7340120L

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
TUYỂN SINH TỪ NĂM 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1340 /QĐ-TĐT ngày 22 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)*

1. Tên trường liên kết (Joint training university): Đại học La Trobe, Úc (La Trobe University, Australia)
2. Tên ngành (Name of programme):
 - Tên ngành tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế
 - Tên ngành tiếng Anh: International Business
3. Mã ngành tuyển sinh (Programme code): K7340120L
4. Văn bằng (Training degree): cấp song bằng
 - Trường Đại học La Trobe cấp bằng:
 - + Tên văn bằng tiếng Việt: Cử nhân Kinh doanh – Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế
 - + Tên văn bằng tiếng Anh: Bachelor of Business major in International Business
 - Trường Đại học Tôn Đức Thắng cấp bằng:
 - + Tên văn bằng tiếng Việt: Cử nhân Kinh doanh quốc tế
 - + Tên văn bằng tiếng Anh: Bachelor of International Business
5. Thời gian đào tạo (Training time): Cử nhân - 04 năm
 - Giai đoạn 1: 3 năm học tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU), Việt Nam;
 - Giai đoạn 2: 1 năm cuối học tại Trường Đại học La Trobe (LTU), Úc.
6. Hình thức đào tạo (Mode of study): Chính quy - Liên kết đào tạo quốc tế 3+1
7. Tiêu chí tuyển sinh (Admission criteria): Thí sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương đủ điều kiện nhập học theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Tôn Đức Thắng và quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đạt trình độ tiếng Anh chuẩn B2 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương.

8. Mục tiêu đào tạo (Programme Educational objectives):

Sau 3-5 năm tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học liên kết quốc tế ngành Kinh doanh quốc tế (3+1 Song bằng) giữa Trường Đại học Tôn Đức Thắng và Trường Đại học La Trobe, người học có thể:

STT	Mô tả mục tiêu đào tạo
1	Có kiến thức nền tảng vững chắc cả về lý thuyết lẫn thực hành trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, giao nhận-vận tải và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu; Có khả năng phân tích dữ liệu, tổng hợp ý kiến chung để ra quyết định kịp thời trong công tác quản trị thay đổi tại doanh nghiệp.
2	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển chuyên môn và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn đối với các lĩnh vực liên quan đến Kinh doanh quốc tế và tiến tới tự học suốt đời với khả năng ứng dụng kiến thức chuyên sâu để am hiểu các vấn đề ảnh hưởng đến hoạt động xuyên quốc gia từ chiến lược, chính sách đến hoạt động vận hành.
3	Có hành vi, kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng; Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Có tinh thần kỷ luật cao, có trách nhiệm xã hội và có khả năng thích ứng tốt với môi trường kinh doanh, kinh tế toàn cầu.

9. Chuẩn đầu ra (Programme learning outcomes):

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo đại học liên kết đào tạo quốc tế ngành Kinh doanh quốc tế (3+1 Song bằng) giữa Trường Đại học Tôn Đức Thắng và Trường Đại học La Trobe, người học có thể :

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra
1	Kiến thức	PLO1: Áp dụng (Apply) phù hợp những kiến thức về lý luận chính trị; khoa học tự nhiên; khoa học xã hội và khoa học công nghệ để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu suốt đời.
2		PLO2: Hoạch định (Implement) các hoạt động thực tiễn kinh doanh và quản trị kinh doanh quốc tế bằng cách vận dụng linh hoạt kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.
3		PLO3: Vận dụng (Apply) tổng hợp kiến thức chuyên môn, kiến thức liên ngành và đa ngành để am hiểu các vấn đề, xu hướng liên quan đến hoạt động quản trị, vận hành toàn cầu của doanh nghiệp.

STT	Phân loại theo (nhóm) năng lực	Mô tả chuẩn đầu ra
4		PLO4: Phân tích (Analyse) dữ liệu môi trường kinh doanh để làm rõ những rủi ro và dự báo nhu cầu thị trường dựa trên sự chủ động tiếp nhận khối kiến thức nền tảng, ứng dụng công nghệ, phương pháp khoa học và tư duy logic dành cho nhà quản trị để xác lập cơ sở khoa học cho việc ra quyết định kinh doanh đúng đắn và quản trị hiệu quả.
5	Kỹ năng	PLO5: Thể hiện (Demonstrate) khả năng sử dụng thành thạo tổ hợp các kỹ năng: <i>1-Kỹ năng chuyên môn:</i> kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các phương pháp khoa học ; <i>2-Kỹ năng mềm:</i> kỹ năng hòa nhập môi trường mới, kỹ năng truyền đạt vấn đề, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tự phát triển bản thân, kỹ năng giải quyết vấn đề; <i>3-Chuẩn trình độ ngoại ngữ</i> đạt tối thiểu đạt khung bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; <i>4-Kỹ năng ứng dụng tin học:</i> Sử dụng thành thạo tin học văn phòng và chuyển đổi số, nhằm xác định và giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp theo xu hướng hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.
6	Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm	PLO6: Thể hiện (Demonstrate) các đặc điểm của công dân toàn cầu: tinh thần độc lập và hợp tác đội nhóm trong công việc; thực hiện công việc theo quy định pháp luật và nội quy, quy định của doanh nghiệp với tinh thần trách nhiệm và tự chủ trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của mình; có tinh thần làm việc chuyên nghiệp, tinh thần phụng sự, tinh thần tự chịu trách nhiệm trong công việc để tối ưu hóa các nguồn lực và nhằm góp phần đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

10. Cấu trúc chương trình đào tạo (Programme structure):

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Tổng tín chỉ cấp bằng TDTU	130	130	0
Kiến thức giáo dục đại cương	38	38	0
Lý luận chính trị	11	11	0
Khoa học xã hội	2	2	0

Nội dung	Số tín chỉ		
	Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
Khoa học tự nhiên	3	3	0
Ngoại ngữ	15	15	0
Kỹ năng hỗ trợ	2	2	0
Cơ sở tin học	5	5	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92	92	0
Kiến thức cơ sở ngành	27	27	0
Kiến thức chuyên ngành	53	53	0
Kiến thức thực tập và tốt nghiệp (tương đương)	12	12	0

11. Nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy: *Phụ lục 1 đính kèm*

12. Danh mục các môn học giai đoạn 2 học tại LTU tương đương với các môn trong chương trình đào tạo cấp bằng TDTU: *Phụ lục 2 đính kèm*

13. Điều kiện hoàn thành giai đoạn 1:

Sinh viên phải đạt các điều kiện công nhận hoàn thành giai đoạn 1 theo quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học với nước ngoài của Trường Đại học Tôn Đức Thắng:

- Hoàn thành chương trình đào tạo và đạt số tín chỉ tích lũy theo yêu cầu chuyển tiếp giai đoạn 2;
- Đạt điểm rèn luyện trung bình chung các năm giai đoạn 1 học tại TDTU ≥ 50 điểm;
- Đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 6.0 (không kỹ năng thành phần nào < 6.0) hoặc tương đương.

14. Điều kiện tốt nghiệp (Progression points):

- Điều kiện tốt nghiệp tại LTU: theo quy định của LTU.
- Điều kiện tốt nghiệp tại TDTU:
 - Đã được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp của LTU;
 - Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất theo quy định;
 - Đạt điểm rèn luyện trung bình chung các năm giai đoạn 1 học tại TDTU ≥ 50 điểm;

- Hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành, có đủ số tín chỉ tích lũy hoặc môn học theo quy định cho khóa, ngành đào tạo và có điểm trung bình tích lũy không dưới 5.00;
- Đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 6.0 hoặc các chứng chỉ khác tương đương;
- Chứng chỉ tin học MOS 750/1000 (Word, Excel, Powerpoint);
- Đạt được các yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

15. Những điểm đặc biệt của chương trình (Special features):

- Bảng cấp của LTU được công nhận toàn cầu (LTU thuộc TOP 300 theo bảng xếp hạng THE năm 2023) và có giá trị cao vì Trường Kinh doanh La Trobe đã đạt chuẩn kiểm định AACSB;
- Cơ hội nghề nghiệp và định cư hấp dẫn nhằm hiện thực hóa giấc mơ công dân toàn cầu;
- Chương trình học tập tiên tiến, thực tiễn, ứng dụng cao, được quốc tế công nhận;
- Học với đội ngũ giảng viên là những người có thâm niên trong giảng dạy và nghiên cứu, kết hợp với các giảng viên đang là quản lý cấp cao trong lĩnh vực từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước hàng đầu tại Việt Nam;
- Tham gia các toạ đàm, seminar, workshop chuyên ngành;
- Từng bước thích nghi với môi trường học tập quốc tế và kỹ năng sử dụng Tiếng Anh để sinh viên tự tin, chủ động và đảm bảo thành công trong việc hòa nhập;
- Nhiều chính sách học bổng hấp dẫn dành riêng cho sinh viên TDTU.

16. Cơ hội việc làm (Job opportunities)

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế (3+1 Song bằng) có thể làm việc hiệu quả trong môi trường đa quốc gia và làm việc được ở nhiều vị trí khác nhau trong bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp;
- Cụ thể, có cơ hội được nhận vào các vị trí tuyển dụng như: Cố vấn kinh doanh, phân tích kinh doanh, Chuyên viên xuất nhập khẩu; Chuyên viên Quản trị các dịch vụ Logistics, chuyên viên thanh toán mua hàng, cố vấn điều hành... đủ điều kiện làm việc trong môi trường toàn cầu và các vị trí chức năng quan trọng khác trong môi trường kinh doanh quốc tế; Chuyên viên phát triển thị trường/nghiên cứu thị trường quốc tế;
- Ngoài ra sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học lên, nghiên cứu và giảng dạy về quản trị kinh doanh ở một số công ty/ tổ chức khác;
- Với vốn kiến thức ban đầu cùng với kinh nghiệm tích lũy về lĩnh vực này, sinh viên còn có thể hướng tới việc khởi nghiệp trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ logistics và quản trị chuỗi cung ứng;

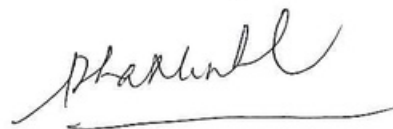
- Có cơ hội học sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

17. Ngày ban hành và chỉnh sửa (Date of issue and revision):

Chương trình được ban hành ngày 22/5/2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA



PGS. TS. PHẠM THỊ MINH LÝ

HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN TRỌNG ĐẠO

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ (3+1 SONG BẰNG) TUYỂN SINH TỪ NĂM 2023**

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO: K7340120L

TRƯỜNG LIÊN KẾT: ĐẠI HỌC LA TROBE, ỨC

(Đính kèm theo Quyết định số 1340 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyển tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
DANH MỤC MÔN HỌC CẤP BẰNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG				130												
1.1 ĐÀO TẠO TẠI ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG				111												
		A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		38												
		A.1 Lý luận chính trị		11												
1	306102	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	x	3	45	0	90						1		XHNV	
2	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	x	2	30	0	60		306102				2		XHNV	
3	306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	x	2	30	0	60		306102, 306103				3		XHNV	
4	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	x	2	30	0	60		306102, 306103, 306104				5		XHNV	
5	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	x	2	30	0	60		306102, 306103, 306104				5		XHNV	

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyển tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
		A.2 Khoa học xã hội		2												
6	302053	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	x	2	30	0	60						1		Luật	
		A.3 Khoa học tự nhiên		3												
7	C01120	Toán kinh tế Mathematics for Economists	x	3	45	0	90				Tiếng Anh		1		T-TK	
		A.4 Ngoại ngữ		15												
8	001326	Master English Master English	x	5	15	120	150				Tiếng Anh		3		TDT CLC	
9	P15C03	Chứng chỉ tiếng Anh English Language Proficiency Certificate	x	10	0	0	300				Tiếng Anh		6	x	TDT CLC	
		A.5 Kỹ năng hỗ trợ		2												
		A.5 Kỹ năng hỗ trợ		2												
10	L00060	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Essential skills for sustainable development	x	2	0	60	60						4		CTHSSV	
	7941_23 D777	Các mô đun Kỹ năng phát triển bền vững		0												
11	L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 1	x	0	0	20	0						1		CTHSSV	
12	L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 2	x	0	0	20	0		L00019				3		CTHSSV	
13	L00046	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Tư duy phản biện Essential Skills for Sustainable Development - Critical Thinking	x	0	0	20	0						4		CTHSSV	
		A.6 Giáo dục thể chất		0												

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyển tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
	7930_23 D777	Nhóm bắt buộc		0												
14	D01001	Bơi lội Swimming	x	0	15	30	0						2		KHTT	
	7931_23 D777	Nhóm tự chọn GDTC 1		1									2-0			
15	D01101	GDTC 1 - Bóng đá Physical Education 1 - Football		0	15	30	0								KHTT	
16	D01102	GDTC 1 - Taekwondo Physical Education 1 - Taekwondo		0	15	30	0								KHTT	
17	D01103	GDTC 1 - Bóng chuyền Physical Education 1 - Volleyball		0	15	30	0								KHTT	
18	D01104	GDTC 1 - Cầu lông Physical Education 1 - Badminton		0	15	30	0								KHTT	
19	D01105	GDTC 1 - Thể dục Physical Education 1 - Aerobic		0	15	30	0								KHTT	
20	D01106	GDTC 1 - Quần vợt Physical Education 1 - Tennis		0	15	30	0								KHTT	
21	D01120	GDTC 1 - Thể hình Fitness Physical Education 1 - Fitness		0	15	30	0								KHTT	
22	D01121	GDTC 1 - Hatha Yoga Physical Education 1 - Hatha Yoga		0	15	30	0								KHTT	
	7932_23 D777	Nhóm tự chọn GDTC 2		1									4-0			
23	D01201	GDTC 2 - Karate Physical Education 2 - Karate		0	0	60	0								KHTT	
24	D01202	GDTC 2 - Vovinam Physical Education 2 - Vovinam		0	0	60	0								KHTT	
25	D01203	GDTC 2 - Võ cổ truyền Physical Education 2 - Vietnamese Traditional Martial Art		0	0	60	0								KHTT	

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
26	D01204	GDTC 2 - Bóng rổ Physical Education 2 - Basketball		0	0	60	0								KHTT	
27	D01205	GDTC 2 - Bóng bàn Physical Education 2 - Table Tennis		0	0	60	0								KHTT	
28	D01206	GDTC 2 - Cờ vua vận động Physical Education 2 - Action Chess		0	0	60	0								KHTT	
29	D01220	GDTC 2 - Khúc côn cầu Physical Education 2 - Field Hockey		0	0	60	0								KHTT	
30	D01221	GDTC 2 - Golf Physical Education 2 - Golf		0	0	60	0								KHTT	
		A.7 Giáo dục quốc phòng		0												
31	D02031	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 1 National Defense and Security Education - 1st Course	x	0	45	0	0						1		TT QP-AN	
32	D02032	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 2 National Defense and Security Education - 2nd Course	x	0	30	0	0						1		TT QP-AN	
33	D02033	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 3 National Defense and Security Education - 3rd Course	x	0	15	15	0						1		TT QP-AN	
34	D02034	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 4 National Defense and Security Education - 4th Course	x	0	0	60	0						1		TT QP-AN	
		A.8 Tin học		5												
35	G01001	Cơ sở tin học 1 Fundamentals of Informatics 1	x	2	15	30	60				Tiếng Anh		1		CAIT	
36	G01002	Cơ sở tin học 2 Fundamentals of Informatics 2	x	2	15	30	60		G01001		Tiếng Anh		2	x	CAIT	
37	G01003	Cơ sở tin học 3 Fundamentals of Informatics 3	x	1	0	30	30		G01002		Tiếng Anh		3		CAIT	
38	G01M01	Microsoft Office Specialist (Microsoft Word) Microsoft Office Specialist (Microsoft Word)	x	0	0	0	0				Chứng chỉ		2		CAIT	
39	G01M02	Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel) Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel)	x	0	0	0	0				Chứng chỉ		3		CAIT	

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyển tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
40	G01M03	Microsoft Office Specialist (Microsoft PowerPoint) Microsoft Office Specialist (Microsoft PowerPoint)	x	0	0	0	0				Chứng chỉ		4		CAIT	
		B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		73												
		B.1 Kiến thức cơ sở		27												
41	201039	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	x	3	45	0	90		701020	701021	Tiếng Anh		3	x	KT	
42	701014	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Business Research Methods	x	3	45	0	90		701021, C01136		Tiếng Anh		5		QTKD	
43	701020	Kinh tế vi mô Microeconomics	x	3	45	0	90		C01120		Tiếng Anh		2	x	QTKD	
44	701021	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	x	3	45	0	90		701020		Tiếng Anh		3	x	QTKD	
45	702020	Nguyên lý quản trị (Anh) Principles of Management	x	3	45	0	90			701020	Tiếng Anh		2	x	QTKD	
46	704024	Nguyên lý Marketing Principles of Marketing	x	3	45	0	90			701021	Tiếng Anh		3		QTKD	
47	706117	Tài chính trong kinh doanh Business Finance	x	3	45	0	90		201039, 701021		Tiếng Anh		4	x	QTKD	
48	C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế Statistics for Business and Economics	x	4	60	0	120		C01120		Tiếng Anh		2		T-TK	
49	E01084	Luật công ty Company Law	x	2	30	0	60		302053		Tiếng Anh		4		Luật	
		B.2 Kiến thức ngành		46												
		B.2.1 Kiến thức chung		23												
50	702054	Thương mại điện tử E-commerce	x	3	45	0	90		704024		Tiếng Anh		5	x	QTKD	
51	702065	Hệ thống thông tin trong kinh doanh Information Systems in Business	x	3	45	0	90		702020		Tiếng Anh		4	x	QTKD	
52	702068	Quản trị nguồn nhân lực (Anh) Human Resource Management	x	3	45	0	90		702020		Tiếng Anh		6	x	QTKD	

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, diễn dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
53	706020	Chuyên đề định hướng nghề nghiệp - Kinh doanh quốc tế Career in International Business	x	2	30	0	60				Học phần nghề nghiệp		1		QTKD	
54	706036	Kinh doanh quốc tế (Anh) International Business	x	3	45	0	90		702020		Tiếng Anh		3	x	QTKD	
55	706139	Quản trị chuỗi cung ứng căn bản Introduction to Supply Chain Management	x	3	45	0	90		702020		Tiếng Anh		3	x	QTKD	
56	707018	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	x	3	45	0	90		702020		Tiếng Anh		4	x	QTKD	
57	E01021	Luật thương mại quốc tế International Trade Law	x	3	45	0	90		E01084		Tiếng Anh		5	x	Luật	
		B.2.2 Kiến thức chuyên ngành		21												
58	702052	Quản trị văn hóa đa quốc gia Cross-cultural Management	x	3	45	0	90		706036		Tiếng Anh		6	x	QTKD	
59	702069	Chiến lược kinh doanh quốc tế (Anh) International Business Strategy	x	3	45	0	90		706036		Tiếng Anh		5	x	QTKD	
60	706023	Nghiệp vụ hải quan Customs Procedures	x	3	30	30	90		706119, 706026		Tiếng Anh		4.5		QTKD	
61	706026	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương (Anh) Practices of International Trade	x	3	45	0	90		706020		Tiếng Anh		3	x	QTKD	
62	706119	Nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế International Cargo Transportation	x	4	60	0	120		706026		Tiếng Anh		4		QTKD	
63	706120	Thực hành hệ thống mô phỏng nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế Practice Simulation of International Cargo Transportation	x	2	0	60	60		706119		Tiếng Anh		4.5		QTKD	
64	706132	Quản lý Dịch vụ Logistics Logistics Service Management	x	3	30	30	90		706139		Tiếng Anh		6	x	QTKD	
		B.2.2.1 Kiến thức tập sự nghề nghiệp/ Kỹ năng chuyên môn		2												

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, điền dã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyên tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
65	706103	Tập sự nghề nghiệp Work-Integrated Education	x	2	0	60	60		706139		Tiếng Anh		6		QTKD	
1.1.2. ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LA TROBE																
		D. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		19												
		D.1 Kiến thức cơ sở		0												
		D.2 Kiến thức ngành		19												
		D.2.1 Kiến thức chung		0												
		D.2.2 Kiến thức chuyên ngành		19												
	7938_23 D777	Nhóm bắt buộc		9												
66	704028	Marketing toàn cầu Global Marketing	x	3	45	0	90		704024		Tiếng Anh		7		QTKD	
67	706137	Thực tập nghề nghiệp nâng cao Advanced Internship	x	3	0	90	90		706120, 001326		Tiếng Anh		7		QTKD	
68	B02042	Quản trị tài chính quốc tế (Anh) International Financial Management	x	3	45	0	90		706117		Tiếng Anh		7		TCNH	
		D.2.2.1 Kiến thức tập sự nghề nghiệp/ Kỹ năng chuyên môn		2												
69	706CM7	Kỹ năng thực hành chuyên môn Qualification Exam	x	2	0	0	60		702069, 706139, 001326		Tiếng Anh		8		QTKD	
		D.2.2.2 Kiến thức tốt nghiệp		8									8			
70	702073	Khởi nghiệp Entrepreneurship		2	30	0	60		706137, 706132, 706120, 706119, 706139, 702069, P15C03, 706036		Tiếng Anh				QTKD	

TT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Lý thuyết (tiết)	BT, thảo luận TH, TN, diễn đã (tiết)	Tự học (giờ)	Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành	Hình thức giảng dạy	Điều kiện môn học	Học kỳ phân bổ	Môn học bắt buộc chuyển tiếp giai đoạn 2	Khoa quản lý môn học	Ghi chú
71	702074	Quản lý sự thay đổi Change Management		3	45	0	90		706137, 706132, 706120, 706119, 706139, 702069, P15C03, 706036		Tiếng Anh				QTKD	
72	702075	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong quản lý Applied Big data analytics in management		3	45	0	90		706137, 706132, 706120, 706119, 706139, 702069, P15C03, 706036		Tiếng Anh				QTKD	
		Tổng số tín chỉ chương trình cử nhân		130												

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

2.1. Kế hoạch giảng dạy tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng

HỌC KỲ 1

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306102	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	X	3	
2	302053	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	X	2	
3	C01120	Toán kinh tế Mathematics for Economists	X	3	
4	L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 1	X	0	
5	D02031	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 1 National Defense and Security Education - 1st Course	X	0	
6	D02032	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 2 National Defense and Security Education - 2nd Course	X	0	
7	D02033	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 3 National Defense and Security Education - 3rd Course	X	0	
8	D02034	Giáo dục quốc phòng và an ninh- Học phần 4 National Defense and Security Education - 4th Course	X	0	
9	G01001	Cơ sở tin học 1 Fundamentals of Informatics 1	X	2	
10	706020	Chuyên đề định hướng nghề nghiệp - Kinh doanh quốc tế Career in International Business	X	2	
TỔNG				12	

HỌC KỲ 2

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	X	2	
2	D01001	Bơi lội Swimming	X	0	
3	G01002	Cơ sở tin học 2 Fundamentals of Informatics 2	X	2	
4	G01M01	Microsoft Office Specialist (Microsoft Word) Microsoft Office Specialist (Microsoft Word)	X	0	
5	701020	Kinh tế vi mô Microeconomics	X	3	
6	702020	Nguyên lý quản trị (Anh) Principles of Management	X	3	
7	704024	Nguyên lý Marketing Principles of Marketing	X	3	
8	C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế Statistics for Business and Economics	X	4	
9	7931_23D7 77	Nhóm tự chọn GDTC 1		0	
TỔNG				17	

HỌC KỲ 3

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	X	2	
2	001326	Master English Master English	X	5	

3	L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Essential Skills for Sustainable Development - Life Attitude 2	X	0	
4	G01003	Cơ sở tin học 3 Fundamentals of Informatics 3	X	1	
5	G01M02	Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel) Microsoft Office Specialist (Microsoft Excel)	X	0	
6	201039	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	X	3	
7	701021	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	X	3	
8	706036	Kinh doanh quốc tế (Anh) International Business	X	3	
9	706139	Quản trị chuỗi cung ứng căn bản Introduction to Supply Chain Management	X	3	
10	706026	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương (Anh) Practices of International Trade	X	3	
TỔNG				23	

HỌC KỲ 4

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	L00060	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Essential skills for sustainable development	X	2	
2	L00046	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Tư duy phản biện Essential Skills for Sustainable Development - Critical Thinking	X	0	
3	G01M03	Microsoft Office Specialist (Microsoft PowerPoint) Microsoft Office Specialist (Microsoft PowerPoint)	X	0	
4	706117	Tài chính trong kinh doanh Business Finance	X	3	

5	E01084	Luật công ty Company Law	X	2	
6	702065	Hệ thống thông tin trong kinh doanh Information Systems in Business	X	3	
7	707018	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	X	3	
8	706119	Nghệp vụ giao nhận vận tải quốc tế International Cargo Transportation	X	4	
9	7932_23D7 77	Nhóm tự chọn GDTC 2		0	
TỔNG				17	

HỌC KỲ HÈ

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	706023	Nghệp vụ hải quan Customs Procedures	X	3	
2	706120	Thực hành hệ thống mô phỏng nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế Practice Simulation of International Cargo Transportation	X	2	
TỔNG				5	

HỌC KỲ 5

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	X	2	
2	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	X	2	

3	701014	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Business Research Methods	X	3	
4	702054	Thương mại điện tử E-commerce	X	3	
5	702069	Chiến lược kinh doanh quốc tế (Anh) International Business Strategy	X	3	
6	E01021	Luật thương mại quốc tế International Trade Law	X	3	
TỔNG				16	

HỌC KỲ 6

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	P15C03	Chứng chỉ tiếng Anh English Language Proficiency Certificate	X	10	
2	702068	Quản trị nguồn nhân lực (Anh) Human Resource Management	X	3	
3	702052	Quản trị văn hóa đa quốc gia Cross-cultural Management	X	3	
4	706132	Quản lý Dịch vụ Logistics Logistics Service Management	X	3	
5	706103	Tập sự nghề nghiệp Work-Integrated Education	X	2	
TỔNG				21	



2.2. Kế hoạch giảng dạy tại Trường Đại học La Trobe, Úc

HỌC KỲ 7

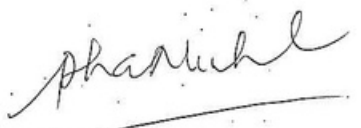
STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	BUS1SBY	Sustainability	X	15	
2	MKT3IMK	International Marketing	X	15	
3	FIN3IFM	International Financial Management	X	15	
4	BUS1DIB	Disruption in Business	X	15	
TỔNG				60	

HỌC KỲ 8

STT	Mã MH	Môn học	Môn bắt buộc	Số TC môn học	Ghi chú
1	BUS3ENT	Entrepreneurship	X	15	
2	MGT3OCD	Organisational Change & Development	X	15	
3	ECO3BWE	Business in the World Economy	X	15	
4	BUS3SSP	Supply Chain Analytics and Digitalization	X	15	
TỔNG				60	


HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Trọng Đạo

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Phạm Thị Minh Lý